

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST

Ngày 17- 9 - 2021

“V/v Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Quân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2021 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc) vào ngày 14 tháng 9 năm 1993. Trước khi kết hôn bà và ông H có tìm hiểu nhau, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà sống tại thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H là đối tượng nghiện ma túy, không

chịu làm ăn, không đỡ đần, chăm lo cho gia đình và hay chửi mắng bà. Bà và các con đã nhiều lần khuyên bảo ông H nhưng ông H không nghe. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là chị Phạm Vân A, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1996 và chị Phạm Thị V, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1994. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản: Bà không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng ông H không đến làm việc theo các Giấy triệu tập, thông báo của Toà án; Toà án đã niêm yết các loại văn bản giấy tờ cần phải tổng đạt cho ông H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt nên Toà án đã giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, cho bà Vũ Thị T và ông Phạm Văn H ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là chị Phạm Vân A, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1996 và chị Phạm Thị V, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1994. Hiện nay các chị đã trưởng thành các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Toà án không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Phạm Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết thuộc

Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là tranh chấp về “Ly hôn”. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc hôn nhân giữa bà Vũ Thị T và ông Phạm Văn H là hợp pháp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống của ông bà phát sinh nhiều vấn đề, bà T cho rằng ông H nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không đỡ đần, chăm lo cho gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, bà T đã chuyển ra ngoài sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà Vũ Thị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn ông Phạm Văn H. Về phía ông H đã nhiều lần được Tòa án triệu tập, tổng đạt các tài liệu văn bản của Tòa án, và biết được việc bà T làm đơn xin ly hôn ông tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên nhưng ông H không có ý kiến gì. Qua xác minh ở địa phương thấy rằng giữa bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời trình bày của bà T. Vì vậy, xét thấy cuộc sống chung giữa bà T và ông H không thể tiếp tục, ông bà không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông H, bà T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, cần giải quyết cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Văn H có 02 con chung là chị Phạm Vân A, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1996 và chị Phạm Thị V, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1994. Hiện nay các chị đã trưởng thành đương sự không đề nghị xem xét nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Cho bà Vũ Thị T và ông Phạm Văn H ly hôn.

2. Về án phí: bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2020/0001419 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; bà Vũ Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hiền